

Bản án số: **137/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 12-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hữu Đoàn.

Ông Huỳnh Hữu Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lua là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết G, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 12, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 10, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-8-2018 và biên bản hòa giải ngày 01-10-2018, nguyên đơn là chị Nguyễn Tuyết G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ thường hay đánh đập chị dẫn đến ly thân từ tháng 7 năm 2015 cho đến nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị G và anh Đ có 02 người con chung tên Ngô Khánh D (nam), sinh ngày 29-11-2001 và Ngô Phát Đ, sinh ngày 11-5-2008. Khi ly hôn, chị G yêu cầu nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng

nuôi Phát Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01-10-2018 cho đến khi cháu Phát Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 01-10-2018, bị đơn là anh Ngô Văn Đ trình bày: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị G về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị G.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao Ngô Khánh D và Ngô Phát Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi Phát Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01-10-2018 cho đến khi Phát Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 01-10-2018, thể hiện: Các con chung đều có nguyện vọng sống cùng với chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị G và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2000. Tuy chị G và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Đ không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị G và anh Đ thỏa thuận giao con chung là Ngô Khánh D và Ngô Phát Đ cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Phát Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày 01-10-2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện và không trái với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị G. Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Ngô Khánh D (nam), sinh ngày 29-11-2001 và Ngô Phát Đ, sinh ngày 11-5-2008 cho chị Nguyễn Tuyết G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Ngô Phát Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Anh Ngô Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Kể từ ngày chị Nguyễn Tuyết G có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, anh Ngô Văn Đ phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 21 tháng 8 năm 2018, chị G đã nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0012152 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Anh Ngô Văn Đ phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Tuyết G và anh Ngô Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Minh Út